TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1148/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01/12/2020
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**
Các Hội thẩm nhân dân:
1) Bà **Nguyễn Thị Vạn**
2) Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**
Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cơ**_Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 714/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp Chiến Lược, phường PHHA, Quận BT, Thành phố H_có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Dũ Q**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: đường Công nghệ mới, ấp 1, xã VLB, huyện BC, Thành phố H_có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 06 năm 2020 và bản tự khai nộp cho Tòa án, ông Nguyễn Thành C trình bày: ông với bà Nguyễn Thị Dũ Q chung sống với nhau, có tìm hiểu, quen biết, và làm đám cưới, đăng ký kết hôn năm 2015. Sống hạnh phúc với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai tính tình không hoà hợp, đồng thời quan điểm sống của hai người cũng trái ngược nhau; Bất đồng trong hôn nhân; Từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, cả hai không còn tình cảm gì với nhau nữa, sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau đây: Xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Dũ Q; Về con chung: có 01 (một) con chung là Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày: 24/01/2017. Nếu được Toà án giải quyết ly hôn, ông xin được giao con chung là Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày: 24/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Dũ Q tiếp tục nuôi dưỡng; Ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: ông C tự khai không có.

Theo các biên bản hòa giải được xác lập tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Theo bản tự khai nộp cho Tòa án, bà Nguyễn Thị Dũ Q trình bày: bà và ông C chung sống với nhau từ năm 2015, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. Ông, bà sống hạnh phúc từ đó đến năm 2017 thì có chuyện cự cải nên bà cùng con về nhà cha mẹ ruột ở, nhưng theo bà thì giữa hai người không có vấn đề gì mâu thuẫn lớn để dẫn đến việc ly hôn. Hiện bà vẫn còn thương ông C nên bà không muốn ly hôn, bà mong Tòa án giải quyết cho bà được đoàn tụ với ông C.

Tại các biên bản hòa giải được xác lập tại Tòa án, bà vẫn giữ nguyên ý kiến như trên; Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bà vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, cùng các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Thành C đối với bà Nguyễn Thị Dũ Q, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định đây là vụ kiện Hôn nhân gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn", vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị Dũ Q có nơi cư trú trên địa bàn huyện Bình Chánh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: năm 2015, ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Dũ Q sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (đăng ký kết hôn vào năm 2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số: 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/10/2015). Việc ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Dũ Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng là có thật và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Dũ Q có nhiều mâu thuẫn, do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cải vã nhau nên cả hai đã sống ly thân. Ngày 22 tháng 06 năm 2020 ông C đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án vì ông khẳng định rằng giữa hai người đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về: "Tình nghĩa vợ chồng"; Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...". Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án này, Tòa án đã tiến hành hòa giải rất nhiều lần nhưng hòa giải không thành. Nay tại tòa ông C kiên quyết yêu cầu giải quyết cho ông C được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Dũ Q. Đối chiếu các quy định trên của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông C là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành C xin được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Dũ Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Dũ Q có một con chung tên là: Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày: 24/01/2017. Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thành C xin được giao con chung là Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày: 24/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Dũ Q tiếp tục nuôi dưỡng; ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung; Tại bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Dũ Q yêu cầu nuôi con chung, không cần ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với việc giao cháu Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày: 24/01/2017 cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Hiện cháu Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày: 24/01/2017 đang do bà Nguyễn Thị Dũ Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lo lắng cho cháu. Bà Nguyễn Thị Dũ Q và cháu Nguyễn Bảo Trân đang sống chung với nhau và hiện tại cháu rất cần sự chăm sóc tận tình của người mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Bảo Trân cho bà Nguyễn Thị Dũ Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo lý nên chấp nhận yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Dũ Q; đồng thời ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Dũ Q không yêu cầu ông Công có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng bà. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm

rằng căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình thì ông Công có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được quyền cản trở ông Công thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Hai ông, bà xác định tự thỏa thuận_Toà không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: Hai ông, bà tự khai không có nên Tòa không xét đến.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông Công chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thành C đối với bà Nguyễn Thị Dũ Q.

Xử cho ông Nguyễn Thành C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Dũ Q. Giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số: 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/10/2015 không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày: 24/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Dũ Q được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Dũ Q không yêu cầu ông Nguyễn Thành C thực hiện việc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu có yêu cầu Tòa sẽ giải quyết sau.

Ông Nguyễn Thành C có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người

không nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung: Hai ông, bà xác định tự thỏa thuận_Toà không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: Hai ông, bà tự khai không có nên Tòa không xét đến.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Thành C chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Thành C đã nộp là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0079666 ngày 02/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thành C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-Nơi nhận:
- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSNDH.Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án DS H.Bình Chánh.
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS

Trương Văn Hải